

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2025

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thuỳ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đỗ Văn Đ**, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Số A ngõ C đường L, khu dân cư H, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; CCCD số: 030090003691.

Người được nguyên đơn uỷ quyền giao nhận văn bản: Anh Đoàn Hồng H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A đường T, khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Số A ngõ C đường L, khu dân cư H, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Nhật Bản; CCCD số: 024196013698.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; CCCD số: 024076001876.

Các đương sự đều vắng mặt, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu kèm theo, nguyên đơn là anh Đỗ Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 18/7/2014 tại UBND phường S, thị xã C (nay là phường S, thành phố C). Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hợp, bất đồng trong việc phát triển kinh tế gia đình cũng như chăm sóc con cái. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2019 chị L đi Nhật Bản lao động đến nay chưa về. Thời gian chị L ở Nhật Bản vợ chồng ít khi nói chuyện với nhau. Đến nay vợ chồng ly thân đã lâu, mâu thuẫn không thể hoà giải nên anh Đ đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn chị L.

- Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị L có 02 con chung là Đỗ Duy T sinh ngày 18/01/2015 và Đỗ Duy D sinh ngày 05/3/2019, hiện đang ở với anh Đ. Khi ly hôn anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Anh Đ đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, uỷ quyền cho anh H thay anh Đ giao nhận văn bản với Toà án, anh H đồng ý.

Tại các biên bản lấy lời khai, ông Hoàng Văn M trình bày:

Ông là bố của chị L. Chị L và anh Đ kết hôn như anh Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn do chị L, anh Đ không ở cùng ông M nên ông M cũng không rõ cuộc sống vợ chồng cụ thể như thế nào. Ông M chỉ nghe chị L kể rằng anh Đ chơi bời, không tập trung làm ăn, chị L đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Đ không nghe mà còn đánh chị L nên chị L đã vài lần bỏ về nhà ông M. Ông M đã cố gắng khuyên nhủ chị L hoà giải với anh Đ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nhưng không được. Năm 2022 chị L về nhà ông M ở, cuối năm 2022 thì đi Nhật Bản lao động đến nay chưa về. Sau khi chị L đi Nhật Bản thì có liên hệ với anh Đ nhưng anh Đ bảo rằng đã có quan hệ với người phụ nữ khác nên muốn ly hôn. Hiện chị L ở Nhật Bản, ông M không rõ địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Toà án nhưng ông M vẫn thường xuyên liên lạc với chị L nên đồng ý nhận các văn bản của Toà án để thông báo chị L. Quan điểm của chị L về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị L đồng ý ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Anh Đ và chị L có 02 con chung là cháu Đỗ Duy T sinh ngày 18/01/2015 và Đỗ Duy D sinh ngày 05/3/2019, hiện đang ở với anh Đ. Chị

L đề nghị mỗi người nuôi 01 con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị L được giao quyền nuôi con, chị L uỷ quyền cho ông M thay chị L chăm sóc cháu trong thời gian chị L không ở Việt Nam thì ông M đồng ý, chi phí chăm sóc không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hết năm 2025 chị L về Việt Nam, sau đó có tiếp tục đi Nhật Bản nữa hay không thì ông M không rõ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Ông M đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Công văn số 1382/QLXNC ngày 09/5/2025, Phòng Q – Công an tỉnh H cung cấp chị L xuất cảnh gần nhất ngày 26/02/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.
- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho anh Đỗ Văn Đ ly hôn chị Nguyễn Thị L; giao 02 con chung là cháu Đỗ Duy T sinh ngày 18/01/2015 và Đỗ Duy D sinh ngày 05/3/2019 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với chị L. Anh Đ, chị L đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị L hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị L tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Anh Đ cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, lối sống không hợp, bất đồng trong việc phát triển kinh

tế gia đình cũng như chăm sóc con cái. Thông qua người thân, chị L trình bày vợ chồng mâu thuẫn do anh Đ chơi bời, không tập trung làm ăn, khi chị L khuyên nhủ anh Đ còn đánh chị L, nay anh Đ muốn ly hôn vì có quan hệ với người phụ nữ khác. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ đã rơi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai, anh Đ xin ly hôn thì chị L đồng ý. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho anh Đ ly hôn chị L.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị L có 02 con chung là Đỗ Duy T sinh ngày 18/01/2015 và Đỗ Duy D sinh ngày 05/3/2019, hiện đang ở với anh Đ. Chị L và anh Đ đều có nguyện vọng nuôi con nhưng xét thấy hiện chị L đang ở nước ngoài, không thể trực tiếp chăm sóc con chung; anh Đ hiện ở Việt Nam, có điều kiện chăm sóc con chung và con chung cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, để đảm bảo điều kiện mọi mặt của con chung cũng như tránh xáo trộn môi trường sống, học tập của trẻ thì cần giao cả 02 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh Đ đã được giải thích việc cấp dưỡng là để đảm bảo quyền lợi của con chung nhưng tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Chị L không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu chị L yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, anh Đ là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Văn Đ ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Đỗ Duy T sinh ngày 18/01/2015 và Đỗ Duy D sinh ngày 05/3/2019 cho anh Đỗ Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Văn Đ về việc không yêu cầu

chị Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do anh Đoàn Hồng H đã nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 21/3/2025 theo biên lai ký hiệu BLTU/24, số 0001739; anh Đ đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND P.S, TP.C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Yến